

**TOÀ ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC QUÂN KHU 3**

Bản án số: 05/2021/HS-ST
Ngày 25-05-2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC QUÂN KHU 3

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 3/ Lê Văn Cường

Các Hội thẩm quân nhân:

+ 2// Nguyễn Ngọc Chính;

+ 1// Phạm Văn Đạo.

- Thư ký phiên tòa: 3/ Bùi Đức Tùng, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 3.

- Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 31 tham gia phiên tòa: 3// Nguyễn Đức Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại Phòng xử án, Tòa án nhân dân quận Kiến An, thành phố Hải Phòng; Tòa án quân sự Khu vực Quân khu 3 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2021/TLST- HS ngày 22 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Nguyễn Thị D, tên gọi khác: Không, sinh ngày 12 tháng 7 năm 1961 tại phường H, Quận L, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Số 60/72, đường N, phường H, Quận L, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức C và bà Đào Thị H (đều đã chết); có chồng (đã ly hôn) và 02 con, con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1987; tiền án: Ngày 22/09/2017, bị Tòa án nhân dân Quận L, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tiền sự: Không;

Nhân thân: Tháng 8/1973 bị Công an Quận N, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa”; tháng 3/1975 bị Công an Quận N, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 26/7/1984 bị Tòa án nhân dân Quận L, thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân”; tháng 3/1986 bị Công an quận H1, thành phố Hải Phòng xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản của công dân”; ngày 13/10/2006, 20/8/2009 bị Tòa án nhân dân quận H2, Thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù và 03 năm

tù điều về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 21/11/2012 bị Tòa án nhân dân Quận T, Thành phố Hà Nội xử phạt 30 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; các hành vi phạm tội, vi phạm nêu trên đã được coi là chưa bị kết án và chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Ngoài ra, ngày 22/09/2017, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận L, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chưa được xóa án tích và ngày 28/4/2021 bị Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam (trong vụ án khác) từ ngày 14/01/2021 đến nay; có mặt.

- *Bị hại*: Chị Trần Thị Tuyết H, sinh ngày 18/12/1975; nghề nghiệp: Nội trợ; nơi cư trú: Số 06/39/215, đường L, phường M, Quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng*: Các anh Phạm Hữu T, Lê Mạnh H1 và bà Đinh Thị T; đều vắng mặt không có lý do.

NỘI D V U Á N:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 03/12/2020, Nguyễn Thị D đến Phân viện Q7, Cục H, Q 3 với mục đích trộm cắp tài sản. Khi đi qua phòng cấp cứu, Khoa ngoại tổng hợp, Tầng 1 nhà C, D thấy bên ngoài không có người qua lại, trong phòng bệnh có 03 người đang ngủ. D quan sát thấy sau lưng bệnh nhân Trần Thị Tuyết H có 01 chiếc ví màu nâu; D vào phòng, lén lút dùng tay phải lấy và cất giấu chiếc ví vào trong áo khoác đang mặc trên người rồi nhanh chóng rời khỏi Phân viện Q7. Về đến nhà, D kiểm tra trong ví có 21.056.000 đồng, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5s màu vàng trị giá 700.000 đồng, 01 thẻ tiết kiệm của Ngân hàng Quân đội, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Tuyết H. Tài sản D chiếm đoạt được của chị H có tổng giá trị 21.756.000 đồng. Sau khi được con trai là Phạm Hữu T động viên, D đã nhờ anh T trả lại toàn bộ tài sản trộm cắp được cho chị Trần Thị Tuyết H. Tối ngày 04/12/2020, D đến Công an phường M, quận H1, thành phố Hải Phòng để đầu thú.

Lời khai của bị cáo Nguyễn Thị D trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thể hiện: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 03/12/2020, tôi vào Phân viện Q 7 để trộm cắp tài sản. Khi đi qua Phòng cấp cứu, Khoa ngoại tổng hợp, Tầng 1 nhà C, tôi thấy bên ngoài không có người qua lại, trong phòng bệnh có 03 người đang ngủ trên giường bệnh; phát hiện thấy một người phụ nữ (sau này tôi biết tên là H) nằm ở giường ngay sát cửa ra vào bên phía tay trái (theo hướng từ ngoài vào) sau lưng có một chiếc ví da màu nâu, nên tôi đã lấy chiếc ví đó cất giấu vào trong áo khoác tôi đang mặc rồi rời khỏi Phân viện Q7. Về đến nhà, tôi kiểm tra trong ví có 21.056.000 đồng, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5s màu vàng, 01 thẻ tiết kiệm của Ngân hàng Quân đội, 01 Chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Tuyết H. Đến ngày 04/12/2021, tôi đã nhờ con trai tôi trả lại toàn bộ tài sản trộm cắp được

cho chị H. Tôi cùng ngày, tôi đến Công an phường M, quận H1, thành phố Hải Phòng để đầu thú.

Lời khai của bị hại Trần Thị Tuyết H trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đều thể hiện: Ngày 03/12/2020 tôi H nằm điều trị tại Phòng cấp cứu, Khoa ngoại tổng hợp, Phân viện Q7. Khoảng hơn 12 giờ cùng ngày, trước khi ngủ tôi có đặt một ví da màu nâu ở sát chỗ tôi nằm; bên trong ví có 21.056.000 đồng, một điện thoại Iphone 5s màu vàng, 01 thẻ tiết kiệm của Ngân hàng Quân đội và 01 Chứng minh nhân dân mang tên tôi. Khoảng 13 giờ 15 phút cùng ngày, khi tôi thức dậy thì phát hiện chiếc ví đã bị kẻ gian lấy trộm. Sau đó tôi đã báo cho bệnh viện và trình báo sự việc tại Công an phường M, quận H1, thành phố Hải Phòng.

Lời khai của người làm chứng Phạm Hữu T trong quá trình điều tra có nội dung: Khoảng 20 giờ ngày 03/12/2020, tôi nhận được điện thoại của người em họ tên là H2 gọi điện báo có công an đến tìm mẹ tôi (tên là D). Sau đó tôi đến nhà những người quen tìm mẹ tôi nhưng không thấy. Khoảng 01 giờ ngày 04/12/2020, mẹ tôi gọi điện cho tôi báo có nhờ người xe ôm đến nhà đưa cho tôi túi đồ do mẹ tôi lấy trộm và bảo tôi lần theo địa chỉ trả lại cho chủ sở hữu. Tôi mở túi ra kiểm tra thì thấy có 01 ví da màu nâu, bên trong có 01 điện thoại Iphone màu vàng, tiền và một số giấy tờ khác. Khi tôi mở điện thoại Iphone lên thì thấy có cuộc gọi nhờ của số điện thoại 0398702548. Tôi đã gọi vào số điện thoại trên thì gặp anh H1, là con của cô H (chủ nhân của số tài sản mà mẹ tôi đã lấy trộm). Khoảng 10 giờ ngày 04/12/2020, tôi đến Phân viện Q7 trả lại toàn bộ số tài sản trên cho cô H và có công an đến lập biên bản về sự việc.

Kết luận định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 29/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân quận H1 kết luận chiếc điện thoại Iphone 5s màu vàng, đã qua sử dụng có giá trị 700.000 đồng;

Công văn về việc định giá tài sản số 127/HĐĐGTS ngày 31/12/2020 của Hội đồng định giá tài sản Ủy ban nhân dân Quận H1 kết luận chiếc ví da màu nâu kích thước (20x8x2) cm đã qua sử dụng, không rõ chủng loại, nhãn hiệu nên không đủ cơ sở để định giá đối với tài sản này.

Công văn số 99/MB-HPH ngày 01/02/2021 của Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội, chi nhánh Hải Phòng xác định thẻ tiết kiệm LA 4421082 không phải là giấy tờ có giá.

Lời khai của những người làm chứng Lê Mạnh H1 và Đinh Thị T đều phù hợp với các chứng cứ và tài liệu nêu trên.

Tại Cáo trạng số 01/CT-VKSKV31 ngày 20/04/2021, Viện kiểm sát quân sự Khu vực 31 truy tố Nguyễn Thị D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên (KSV) giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thị D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Trên cơ sở phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả vụ án, nguyên nhân, điều kiện phạm tội, nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo; bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm; bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như người phạm tội thành khẩn khai báo, tự nguyện khắc phục hậu quả, bị cáo đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. KSV đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Về hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D, phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 của BLHS xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 21 tháng tù đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Không áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo.

Về biện pháp tư pháp: Bị hại chị Trần Thị Tuyết H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường, nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Đối với điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, màu vàng, số IMEI: 357993057831526, 01 ví da màu nâu kích thước (20x8x2) cm, số tiền 21.056.000 đồng và 01 (một) Chứng minh nhân dân số 031175000901 mang tên Trần Thị Tuyết H, 01 Thẻ tiết kiệm Ngân hàng Quân đội mang tên Trần Thị Tuyết H, cơ quan tiến hành tố tụng đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu theo Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 02/02/2021 nên đề nghị HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS); Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Thị D đồng ý với nội dung luận tội của KSV và không có ý kiến tranh luận gì.

Bị hại Trần Thị Tuyết H đồng ý với nội dung luận tội của KSV và không có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1 Quân khu 3; Viện kiểm sát quân sự Khu vực 31; Điều tra viên; KSV thực hiện đúng thẩm quyền, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại

phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó, HĐXX thấy các hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng trong vụ án đều thực hiện hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, một số tài liệu cơ quan tố tụng thu thập về nhân thân của Nguyễn Thị D là không có đủ căn cứ.

[2] Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra, xác minh tại phiên tòa. Lời luận tội và kết luận của KSV là có căn cứ pháp luật. Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở khẳng định: Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 03/12/2020, Nguyễn Thị D vào Phòng cấp cứu của Khoa ngoại tổng hợp, Phân viện Q 7, Cục H, Q 3 đã lén lút chiếm đoạt của chị Trần Thị Tuyết H 01 chiếc ví da màu nâu, bên trong có 21.056.000 đồng, 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 5s màu vàng trị giá 700.000 đồng, 01 Thẻ tiết kiệm của Ngân hàng Quân đội và 01 Chứng minh nhân dân; tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 21.756.000 đồng. Do vậy, hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của BLHS.

Ngoài ra, ngày 07/11/2020, bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đã bị Tòa án nhân dân Quận K, thành phố Hải Phòng xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 14/2021/HS-ST ngày 28/4/2021 nhưng chưa có hiệu lực pháp luật.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của chị H khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của BLHS.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo; đã tự nguyện trả lại toàn bộ tài sản cho chủ sở hữu nên được áp dụng tình tiết “Tự nguyện khắc phục hậu quả”; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú theo Biên bản tiếp nhận người ra trình diện, đầu thú do Công an phường Minh Khai lập hồi 20 giờ ngày 04 tháng 12 năm 2020. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS.

[4] Bị cáo có nhân thân xấu; đã 06 lần bị kết án, trong đó 04 lần đã được xóa án tích, 01 lần chưa được xóa án tích và 01 lần bị kết án nhưng bản án chưa có hiệu lực pháp luật; 03 lần bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng đã được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

[5] Tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự và mất an toàn trong các cơ sở khám chữa bệnh của

Quân đội. Do đó cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án mà bị cáo đã gây ra; cần áp dụng khoản 1 Điều 38 của BLHS để cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội và phòng ngừa tội phạm chung.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về các biện pháp tư pháp: Chị Trần Thị Tuyết H không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Quá trình giải quyết vụ án cơ quan tiến hành tố tụng đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu 01 ví da, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s, số tiền 21.056.000 đồng, 01 Chứng minh nhân dân và 01 Thẻ tiết kiệm của Ngân hàng Quân đội có đặc điểm như các Biên bản về việc tiếp nhận đồ vật, tài sản, Biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 04/12/2020, 02/02/2021 là đúng quy định của pháp luật, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của BLTTHS; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 của BLTTHS,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị D phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; khoản 1 Điều 38 của BLHS, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 21 (Hai mươi một) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Về án phí

Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS, bị cáo Nguyễn Thị D phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (25/5/2021) bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án quân sự Quân khu 3./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát quân sự Khu vực 31;
- Viện kiểm sát quân sự Quân khu 3;
- Cơ quan ĐTHSKV1 QK3;
- Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng;
- Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố Hải Phòng;
- Tòa án quân sự Trung ương;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu tiểu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Thượng úy Lê Văn Cường